

Bản án số: 636/2023/HS-PT

Ngày: 30-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Minh Tâm**

Các Thẩm phán:

Ông **Đỗ Đình Thanh**

Ông **Nguyễn Văn Minh**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Vi Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 379/2023/TLPT – HS ngày 26 tháng 5 năm 2023, đối với các bị cáo Huỳnh Thanh Q và Trương Thị Kim T, do có kháng cáo của các bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1181/2023/QĐPT-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Huỳnh Thanh Q, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1960 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: số Ng L, khóm B K, phường B K, thành phố L X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: cán bộ nghỉ hưu; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Huỳnh Kim C và bà Nguyễn Thị Mỹ L; vợ là Lý Thị Minh T và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thanh Q: Luật sư Hồ Hoài N – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Trương Thị Kim T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1974 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: số C T, khóm B K, phường B K, thành phố L X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: cán bộ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ ra khỏi đảng; con ông Trương Bình Trị và bà Bùi Thị Sáu; chồng là Đặng Tấn Đắc và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Kim Tú: Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị hại: Trường Cao đẳng nghề An Giang; địa chỉ: số T, khóm B K, phường B K, thành phố L X, tỉnh An Giang, do ông Nguyễn Thanh Hải, Hiệu trưởng là người đại diện theo pháp luật.

(Trong vụ án này người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Cao đẳng nghề An Giang được thành lập năm 2007 trên cơ sở sáp nhập từ trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật An Giang và trường Dạy nghề An Giang, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, thực hiện chức năng nhiệm vụ tuyển sinh, đào tạo nghề, cung cấp nguồn nhân lực trong và ngoài tỉnh. Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt Nghị định 43). Nguồn kinh phí của Trường gồm: ngân sách Nhà nước cấp; thu từ sự nghiệp. Trong đó, ngân sách Nhà nước cấp cho trường do Ủy ban tỉnh An Giang phân bổ theo dự toán hàng năm thông qua tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang; thu sự nghiệp gồm học phí chính quy, học phí tại chức, lệ phí xét tuyển, cho thuê ký túc xá, dịch vụ và nguồn thu khác.

Từ tháng 01/2014 đến tháng 07/2019, Huỳnh Thanh Q - Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý, sử dụng nguồn thu, chỉ đạo Trương Thị Kim T - Kế toán trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang thực hiện việc thu, chi không đúng đối tượng, vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát lãng phí; cụ thể: chi thanh toán cho đối tượng không được hưởng chế độ thâm niên nghề nhà giáo và chi phụ cấp 25% cho đối tượng không hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi giảng dạy.

Theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 và Thông tư liên tịch số 68/2011, TTLT-BGDDT-BNV-BLĐTBXH quy định về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo thì việc chi phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo chỉ thực hiện đối với những người còn đang làm nhiệm vụ giảng dạy, nhưng Quang đã chỉ đạo lập danh sách chi cho các đối tượng là cán bộ, nhân viên văn phòng không trực tiếp giảng dạy để ký duyệt mục “Thủ trưởng đơn vị”, còn Tú ký duyệt Kế toán trưởng trên chứng từ thanh toán. Qua đó đã chi cho 145 cán bộ, nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý không trực tiếp giảng dạy với tổng số tiền 2.396.862.634 đồng từ

nguồn ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu từ sự nghiệp (trong đó nguồn ngân sách Nhà nước cấp là 521.727.157 đồng, nguồn thu từ sự nghiệp là 1.875.135.477 đồng).

Theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 và Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BLĐTBXH quy định chỉ có các đối tượng là giáo viên đang trực tiếp giảng dạy mới được hưởng phụ cấp 25% ưu đãi giảng dạy, đồng thời theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, khi nào có thu nhập tăng thêm thì chỉ hỗ trợ tăng thêm cho cán bộ nhân viên văn phòng không được hưởng phụ cấp nhưng Quang đã chỉ đạo cho Tú chi cho các đối tượng là cán bộ, nhân viên văn phòng không thuộc đối tượng hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi giảng dạy, qua đó đã chi cho 145 cán bộ, nhân viên với tổng số tiền 5.325.760.901 đồng (trong đó từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp là 350.658.486 đồng, nguồn thu từ sự nghiệp là 4.975.102.415 đồng).

Việc chi thanh toán chế độ phụ cấp thâm niên và chi phụ cấp ưu đãi giảng dạy không đúng quy định nêu trên đã gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 7.722.623.535 đồng (trong đó, từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp là 872.385.643 đồng, nguồn thu sự nghiệp là 6.850.237.892 đồng). Hiện đã thu hồi được số tiền do 32 người tự nguyện giao nộp là 4.769.886.035 đồng.

Quá trình điều tra còn xác định: Từ tháng 01/2014 đến tháng 07/2019, Quang và Tú không thực hiện đúng nguyên tắc tài chính kế toán, không trích lập 40% từ nguồn thu sự nghiệp để làm nguồn cải cách tiền lương theo quy định với tổng số tiền là 31.616.570.048 đồng. Đối với khoản thu này, Quang chỉ đạo chi tăng lương theo quy định là 10.139.918.995 đồng; chi phụ cấp 25% ưu đãi giảng dạy, phụ cấp thâm niên nghề cho cán bộ nhân viên làm công tác văn phòng sai quy định là 6.850.237.892 đồng như đã nêu trên và chi hoạt động thường xuyên là 12.491.207.710 đồng, còn lại là 2.135.205.451 đồng.

Tại Kết luận giám định số 437/KLGD-STC ngày 24/6/2022; Công văn số 1299 ngày 26/5/2022 và Công văn số 1365 ngày 02/6/2022 của Sở Tài chính tỉnh An Giang, kết luận:

1. Về số tiền chi sai quy định gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước cần phải thu hồi: Căn cứ Công văn số 1299/STC-TTr ngày 26/5/2022 của Sở Tài chính về việc làm rõ và đính chính một số nội dung tại Kết luận Giám định tài chính số 437/KLGD-STC. Theo đó, tại điểm 1 Mục II Công văn số 1299/STC-TTr xác định: tổng số tiền Trường Cao đẳng nghề An Giang chi sai quy định là 21.616.576.443 đồng, trong đó: số tiền mà Trường chi sai phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo, phụ cấp ưu đãi nhà giáo không đúng đối tượng, gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước cần phải thu hồi là 7.722.623.535 đồng. Trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng và Kế toán trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang.

2. Đối với số tiền chi sai quy định nhưng không gây thất thoát ngân sách Nhà nước: Trong tổng số tiền mà Trường Cao đẳng nghề An Giang chi sai quy định là 21.616.576.443 đồng, trong đó: số tiền Trường chi sai quy định (sử dụng nguồn cải

cách tiền lương để chi kinh phí hoạt động của Trường), không gây thất thoát ngân sách nhà nước là 13.893.952.908 đồng.

Vật chứng thu giữ: số tiền 4.790.557.035 đồng (trong đó, bị cáo Quang nộp 2.421.482.224 đồng, bị cáo Tú nộp 2.131.174.878 đồng, bà Lê Thanh Thanh Giang nộp 6.381.000 đồng; ông Nguyễn Đăng Khoa nộp 10.000.000 đồng; ông Phan Thành Trung nộp 4.290.000 đồng và 30 người liên quan nộp 217.228.933 đồng).

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKSAG-P1 ngày 27/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố Huỳnh Thanh Q và Trương Thị Kim T về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo quy định tại khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thanh Q và Trương Thị Kim T phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”.

1. Căn cứ khoản 3 Điều 219; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh Q 05 (năm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 219; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trương Thị Kim T 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/4/2023 và ngày 27/4/2023 bị cáo Huỳnh Thanh Q và bị cáo Trương Thị Kim T cùng làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh Q 05 (Năm) năm tù; áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trương Thị Kim T 03 (Ba) năm tù là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm có phát sinh tình tiết mới các bị cáo có nộp khắc phục hết số tiền vi phạm. Do vậy thể hiện sự ăn năn hối cải của các bị cáo là khắc phục hoàn toàn hậu quả. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Luật sư Nhân bào chữa cho bị cáo Quang: Thống nhất với vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không hưởng lợi, chiếm đoạt trong việc chi sai, bị cáo đang nuôi mẹ già 92 tuổi, gia đình bị cáo và bên vợ bị cáo có công với cách mạng. Trong công tác đã có nhiều thành tích đóng góp xuất sắc trong công tác. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Quang trình bày: Bị cáo Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, xét xử bị cáo 05 năm tù là nặng. Bị cáo xác định đây là lỗi vô ý. Quá trình phấn đấu của bản thân và gia đình bị cáo có cống hiến cho đất nước. Bản thân bị cáo được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì và bị cáo có cha mẹ ruột, cha mẹ vợ tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng nhiều huân huy chương. Tại giai đoạn phúc thẩm nộp thêm số tiền 1.329.201.608 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Duy bào chữa cho bị cáo Tú trình bày: Bị cáo Tú không hưởng lợi, không chiếm đoạt số tiền sai phạm, việc bị cáo thực hiện nhiệm vụ hàng năm quyết toán. Đến khi bị thanh tra thì mới nhận ra sai phạm này. Do thiếu hiểu biết pháp luật đối với chế độ chi tài chính nên bị cáo ngộ nhận hành vi sai phạm của bị cáo. Bị cáo đã khắc phục hoàn toàn số tiền sai phạm. Bị cáo thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị quyết số 02 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ và xin được hưởng án treo.

Bị cáo Tú trình bày: Bị cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bản thân chấp hành tốt chính sách địa phương và có nhiều thành tích trong công tác. Đồng nghiệp trong đơn vị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nộp số tiền vi phạm 1.329.201.608 đồng. Việc chi sai cũng được Hội đồng trường thông qua và Sở tài chính quyết toán hàng năm nhưng không nêu ra là có sai phạm hay chi sai quy định nên bị cáo mới chủ quan cho rằng không vi phạm quy định của pháp luật. Sau khi có kết luận sai phạm từ thanh tra thì bị cáo đã khắc phục bằng việc trừ lương hàng tháng của đối tượng chi sai. Bản thân bị cáo cũng không hưởng lợi chiếm đoạt trong việc chi sai tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thanh Q và bị cáo Trương Thị Kim T làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2014 đến tháng 07/2019, Huỳnh Thanh Q là Hiệu trưởng và Trương Thị Kim T là Kế toán trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang đã vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước gây thất thoát lãng phí; cụ thể: chi sai phụ cấp thâm niên đối với nghề nhà giáo, phụ cấp ưu đãi nhà giáo không đúng đối tượng, đã chi cho 145 cán bộ, nhân viên làm công tác văn phòng và quản lý không trực tiếp giảng dạy, gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước số tiền là 7.722.623.535 đồng.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo Huỳnh Thanh Q và Trương Thị Kim T đã phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm nhằm giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo cũng như tính chất mức độ vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

[4.1] Đối với bị cáo Huỳnh Thanh Q: Trong khoản thời gian làm Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý, sử dụng nguồn thu, chỉ đạo Trương Thị Kim T - Kế toán trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang thực hiện việc thu, chi không đúng đối tượng, vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát lãng phí; cụ thể: chi thanh toán cho đối tượng không được hưởng chế độ thâm niên nghề nhà giáo và chi phụ cấp 25% cho đối tượng không hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi giảng dạy. Bị cáo là người đứng đầu của Trường Cao đẳng nghề An Giang tại thời điểm vi phạm nên phải chịu trách nhiệm chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo như: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp được gần 2/3 số tiền gây thiệt hại; người phạm tội là người có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác; người đại diện theo pháp luật của bị hại có văn bản đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo lần đầu phạm tội; bị cáo có thân nhân là người có công với đất nước được tặng thưởng Huân, Huy chương. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s, điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo Quang có nộp thêm các chứng cứ:

Bị cáo có tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, nên đây được xem là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo; đồng thời bị cáo cũng đã nộp biên lai chứng minh đã nộp số tiền 1.329.201.608 đồng khắc phục hoàn toàn hậu quả, đây được xem là các tình tiết mới cần được ghi nhận. Do vậy các tình tiết nêu trên cũng là căn cứ để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.2] Đối với bị cáo Trương Thị Kim Tú: Trong vụ án này bị cáo Tú là người giúp sức cho bị cáo Huỳnh Thanh Q. Nghe theo sự chỉ đạo của bị cáo Quang, Tú ký duyệt Kế toán trưởng trên chứng từ thanh toán, qua đó đã chi cho 145 cán bộ, nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý không trực tiếp giảng dạy với tổng số tiền 2.396.862.634 đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp, nguồn thu từ sự nghiệp. Và theo sự chỉ đạo của Quang, bị cáo Tú còn chi cho các đối tượng là cán bộ, nhân viên văn phòng không thuộc đối tượng hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi giảng dạy, qua đó đã chi cho 145 cán bộ, nhân viên với tổng số tiền 5.325.760.901 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Tú là kế toán trưởng là cấp dưới của bị cáo Quang nên xét vai trò của bị cáo cũng có phần phụ thuộc, hạn chế, nỗ lực nên làm theo sự chỉ đạo của bị cáo Quang. Bị cáo Tú có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Trong suốt quá trình điều tra, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp được gần 2/3 số tiền gây thiệt hại; người phạm tội là người có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác; người đại diện theo pháp luật của bị hại có văn bản đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu; bị cáo đều có thân nhân là người có công với đất nước được tặng thưởng Huân, Huy chương, bị cáo có bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s, điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo nộp biên lai khắc phục hậu quả số tiền 1.329.201.608 đồng là được xem là tình tiết mới được quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo cũng tỏ ra rất ăn năn hối cải với hành vi phạm tội đã gây ra. Xét, bị cáo có nhân thân tốt, có công việc ổn định và có nơi cư trú rõ ràng. Áp dụng Nghị quyết 02 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy chỉ cần áp dụng biện pháp chấp hành hình phạt có điều kiện đối với bị cáo cũng đủ nghiêm. Do đó chấp nhận kháng cáo của bị cáo xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

[5] Các phân tích, nhận định nêu trên cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa và các vị luật sư tham gia phiên tòa.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Huỳnh Thanh Q và Trương Thị Kim T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh Q về việc kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị Kim Tú.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về phần hình phạt.

Tuyên xử:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, điểm s, điểm v, điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh Q** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trương Thị Kim T** 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 30/8/2023).

Giao bị cáo Trương Thị Kim T cho Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Trương Thị Kim T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về phần trách nhiệm bồi thường cho người bị hại: Tại cấp phúc thẩm bị cáo Q và bị cáo T đã nộp xong số tiền bồi thường cho người bị hại, đối với số tiền mỗi bị cáo nộp là 1.329.201.608 đồng. Do vậy số tiền này sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Huỳnh Thanh Q và Trương Thị Kim T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- TTG CA tỉnh An Giang;
- Bị cáo;
- UBND phường Bình Khánh, Tp Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Minh Tâm